TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** --- *** --- Số:115/2020/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** --- *** --- *** --- ***Phụng Hiệp,*** *ngày 23 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 37/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-*Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.**

Địa chỉ: số 130, Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận N, Thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền khởi kiện: ông Phạm Hồng T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hậu Giang.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phạm Đình H, chức vụ: Trưởng phòng quản lý tín dụng Chi nhánh Hậu Giang.

-*Bị đơn:* **Trần Thị Thu H,** sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Quốc H, năm sinh 1985; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh G và Nguyễn Thị Thu N năm sinh 1983; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Thu N cùng ủy quyền cho Trần Thị Thu H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền 157.219.544đ (một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm mười chín ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 144.891.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu tám chín mươi mốt ngàn đồng), lãi suất tính đến ngày 15.7.2020: lãi trong hạn là 11.052.395đ (mười một triệu không trăm năm mươi hai ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 1.276.149đ (một triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm bốn mươi chín đồng) và phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 16.7.2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên được thể hiện trong hợp đồng tín dụng số: K0005/1219 ngày 21.01.2019.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trần Thị Thu H không còn khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K0016/TC19 ngày 21.01.2019 để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thu hồi nợ.

-Về án phí: bà Trần Thị Thu H phải nộp 3.930.488đ (ba triệu chín trăm ba mươi ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, do bà Trần Thị Thu H có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang xác nhận nên được xét giảm 50% án phí. Số tiền còn lại bà Trần Thị Thu Hphải nộp là 1.965.244đ (một triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi bốn đồng).

-Về lệ phí thẩm định, xác minh tài sản, bà Trần Thị Thu H phải nộp 1.000.000đ (một triệu đồng) để hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại 3.872.000đ (ba triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004703, ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND huyện PH;
-Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm